

Số: /GPMT Thành phố Lai Châu, ngày tháng 02 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Thành Trung - TS tại văn bản số 1212/TTTS-GPMT ngày 12/12/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Cửa hàng xăng dầu thành phố số 1; Văn bản số 0601/TTTS-GPMT ngày 06/01/2025 của Công ty TNHH MTV Thành Trung - TS về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Cửa hàng xăng dầu thành phố số 1;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thành Trung - TS, địa chỉ tại Tổ 21, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cửa hàng xăng dầu thành phố số 1 với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cửa hàng xăng dầu thành phố số 1

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200070559 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 4 năm 2023; Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 16/GCĐĐK-SCT ngày 19/4/2022 của sở Công thương tỉnh Lai Châu.

1.4. Mã số thuế: 6200070559

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, mua bán xăng dầu

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cửa hàng xăng dầu thành phố số 1 có tổng diện tích sử dụng đất là 600m², hoạt động với tổng sức chứa xăng dầu tại cửa hàng là 75 m³ trong đó:

+ 02 bồn chứa xăng (01 bồn E5 Ron 92, 01 bồn A95) với dung tích mỗi bể chứa là 25m³.

+ 01 bồn chứa dầu DO với dung tích 25 m³.

- Nhân sự gồm có 04 người làm việc xuyên suốt tại cửa hàng, gồm 01 Cửa hàng trưởng, 03 nhân viên.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thành Trung - TS có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 02 năm 2025 đến ngày tháng 02 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Thành Trung - TS;
- UBND xã Sùng Phài;
- Trang Thông tin điện tử TP Lai Châu;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân thành phố Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt khu vực nhà bán hàng (bao gồm nước thoát sàn, nước từ bồn Lavabo, nước từ bồn cầu)

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý sẽ thoát ra ngoài môi trường và tự thấm vào đất, vị trí xả nước thải nằm ở phía Tây khu đất của cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tọa độ X= 2480380.5; Y= 543014.2

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,4 m³/ngày đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy theo đường ống thoát nước PVC D110 ra môi trường.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục.

2.3.3. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B với K = 1,2).

Gới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C theo QCVN 14:2008/BTNMT K =1,2 (Cột B)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120
4	TDS	mg/l	1.200
5	H ₂ S	mg/l	4,8
6	NH ₄ ⁺	mg/l	12
7	NO ₃ ⁻	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	PO ₄ ³⁻	mg/l	12

11	Coliform	MPN/100ml	5.000
----	----------	-----------	-------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải bồn cầu từ khu nhà vệ sinh được thu gom bằng hệ thống ống nhựa UPVC D42 (2 ống) các ống nhựa được đầu nối vào ống PVC D110 (1 ống với chiều dài là 1m) sau đó dẫn vào bể tự hoại.

- Nước thải sinh hoạt ăn uống, nhà ăn được thu gom theo ống PVC D125 đưa về bể tách dầu mỡ, sau đó nước thải tiếp tục theo đường ống PVC D125 đầu nối vào đường ống PVC D110 sau bể tự hoại rồi dẫn về bể sinh học để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa chân, tay, tắm, giặt,... được thu gom bằng ống PVC D125 sau đó được đầu nối vào ống nhựa PVC D110 sau bể tự hoại rồi đưa về bể sinh học để tiếp tục xử lý.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt (nước thải từ bồn cầu, nước thải từ nhà bếp, nước thải từ quá trình rửa chân tay,...) từ khu vực này được đầu nối vào 1 ống nhựa PVC D110 dẫn về bể sinh học nằm ở phía Tây khu đất của cơ sở với tổng chiều dài là 5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải nhà bếp được xử lý bằng thiết bị tách mỡ 3 ngăn kết cấu inox chống ăn mòn, chống gỉ sét dung tích 0,0735 m³ kích thước (0,35x0,6x0,35)m được đặt dưới chậu rửa trong nhà bếp qua đường ống PVC D125 để xử lý trước khi đi vào bể sinh học

- Nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh: Xử lý qua 01 bể tự hoại được đặt tại nhà bán hàng, bể tự hoại được xây dựng là bể tự hoại ngầm, có tổng dung tích 14m³, dung tích chứa 7,8m³.

- 1 bể sinh học, vị trí của bể nằm ở sau bể tự hoại. Kích thước của bể dài 2,4m x rộng 2m sâu 1m có tổng dung tích 4,8m³.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

+ Thời gian bắt đầu: sau khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường

+ Thời gian kết thúc: Sau 3 tháng kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):
Vị trí xả nước thải: Tọa độ X= 2480380.5; Y= 543014.2

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C theo QCVN 14:2008/BTNMT K =1,2 (Cột B)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120
4	TDS	mg/l	1.200
5	H ₂ S	mg/l	4,8
6	NH ₄ ⁺	mg/l	12
7	NO ₃ ⁻	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	PO ₄ ³⁻	mg/l	12
11	Coliform	MPN/100ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu (ghi rõ tần suất theo quy định):

Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn hiệu chỉnh

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, Công ty phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày tháng 02 năm 2025
của Ủy ban Nhân dân thành phố Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tủ máy phát điện dự phòng 7,25 KVA khi hoạt động (nguồn phát sinh không thường xuyên).
- Nguồn số 2: Tủ các phương tiện ra vào cơ sở, từ quá trình nhập nguyên liệu (nguồn phát sinh thường xuyên).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại vị trí cửa hàng.

3. Độ ồn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc giới hạn tại nơi làm việc (85 dBA); QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (70dBA) trong khung giờ 6 giờ đến 21 giờ; và (55dBA) trong khung giờ từ 21 giờ đến 6 giờ.

Độ rung cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (70dB) trong khung giờ từ 6 giờ đến 21 giờ và (60dB) trong khung giờ từ 21 giờ đến 6 giờ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trang bị các thiết bị giảm âm chống ồn; thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị và thay thế kịp thời các chi tiết mòn, hỏng; trang bị trang bị bảo hộ lao động và kiểm tra, theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Quy định tốc độ các loại phương tiện khi ra vào Cửa hàng. Yêu cầu các phương tiện ra vào Cửa hàng hạn chế sử dụng còi xe, các trường hợp khi cần sẽ yêu cầu tắt máy trước khi vào Cửa hàng.

- Bố trí máy phát điện ở vị trí hợp lý, riêng biệt; Các chân đế, bệ máy sẽ được gia cố bằng bê tông chịu lực cao; Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày tháng 02 năm 2025
của Ủy ban Nhân dân thành phố Lai Châu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	1
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	1
3	Các loại giẻ lau chùi dính dầu	18 02 01	Rắn	2
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	2
Tổng cộng				6

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 04 người làm việc. Khối lượng phát sinh khoảng 1,683 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 15 - 25L, mỗi thùng đều dán mã CTNH riêng và có dán nhãn dấu hiệu cảnh báo với từng mã CTNH lưu chứa theo đúng quy định Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà: Đễ tại khu vực kín, có mái trong phạm vi cửa hàng.

Ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng để xử lý

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 6 thùng nhựa chứa rác có nắp đậy trong đó 03 thùng dung tích 20l được đặt tại khu vực nhà bán hàng và 03 thùng chứa dung tích 120l tại sân bán hàng.

Đóng phí dịch vụ để đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý. Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: tại cửa hàng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Công ty TNHH MTV Thành Trung - TS phải thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Khoản 1, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường 2020; tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định lượng chất thải nguy hại phải khai báo và quản lý; thực hiện nghiêm việc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Đối với rác thải sinh hoạt: Thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, thu gom theo từng loại đã phân loại, đổ thải đúng giờ và đúng nơi quy định của địa phương.